

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23-07-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương
2. Ông Phạm Văn Đạo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân HUYỆN TY tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23-7-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 21-5-2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-7-2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Sùng Thị P, sinh năm 1994. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KT, xã HC, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

**2. Bị đơn:** Anh Vừ A T, sinh năm 1993. Vắng mặt, có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KT, xã HC, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-5-2024, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sùng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị P và anh Vừ A T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái ngày 01-10-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh Tnghiện ma túy,

không chăm lo cho gia đình, vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V A T.

Về con chung: Chị Sùng Thị P và anh V A T có 05 con chung là V Thị G, sinh ngày 08-4-2012, V Thị Đ, sinh ngày 01-9-2014, V Thị D, sinh ngày 25-11-2015, V Thị S, sinh ngày 18-01-2018 và V Thị M, sinh ngày 20-12-2021. Ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con chung là V Thị G, V Thị Đ, V Thị D, V Thị S và V Thị M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Sùng Thị P có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-5-2024, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh V A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V A T và chị Sùng Thị P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 01-10-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T đi cai nghiện ma tuý tại Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Yên Bái. Đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị P vẫn còn nhưng chị P kiên quyết làm đơn ly hôn anh T đồng ý.

Về con chung: Anh V A T và chị Sùng Thị P có 05 con chung là V Thị G, sinh ngày 08-4-2012, V Thị Đ, sinh ngày 01-9-2014, V Thị D, sinh ngày 25-11-2015, V Thị S, sinh ngày 18-01-2018 và V Thị M, sinh ngày 20-12-2021. Ly hôn, anh T đề nghị chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con chung là V Thị G, V Thị Đ, V Thị D, V Thị S và V Thị M, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V A T đề nghị giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án vì lý do đang đi cai nghiện ma tuý tại Cơ sở Cai nghiện ma tuý tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái đề nghị:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị P được ly hôn anh Vừ A T.
- Về con chung: Giao cả năm con chung là Vừ Thị G, sinh ngày 08-4-2012, Vừ Thị Đ, sinh ngày 01-9-2014, Vừ Thị D, sinh ngày 25-11-2015, Vừ Thị S, sinh ngày 18-01-2018 và Vừ Thị M, sinh ngày 20-12-2021 cho chị Sùng Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả năm cháu G, cháu Đ, cháu D, cháu S, cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Vừ A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về án phí: Chị Sùng Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Về quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân HUYỆN TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Vừ A T có đăng ký hộ khẩu tại Thôn KT, xã HC, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Sùng Thị P thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Sùng Thị P vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vừ A T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Sùng Thị P và anh Vừ A T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 01-10-2012 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị P vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh T nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Chị P xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ A T. Theo anh T vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị P vẫn còn nhưng chị P kiên quyết làm đơn ly hôn anh T đồng ý. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị Sùng Thị P được ly hôn anh Vừ A T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Sùng Thị P và anh Vừ A T có năm con chung Vừ Thị G, sinh ngày 08-4-2012, Vừ Thị Đ, sinh ngày 01-9-2014, Vừ Thị D, sinh ngày 25-11-

2015, Vừ Thị S, sinh ngày 18-01-2018 và Vừ Thị M, sinh ngày 20-12-2021. Cháu Vừ Thị G, Vừ Thị Đ, Vừ Thị D có nguyện vọng được ở với chị P. Ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi cả năm con chung là cháu Vừ Thị G, Vừ Thị Đ, Vừ Thị D, Vừ Thị S và Vừ Thị M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đồng ý để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả năm con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại cả năm cháu G, cháu Đ, cháu D, cháu S, cháu M đang ở cùng chị P. Cháu G, cháu Đ, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cả năm con chung cho chị Sùng Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T cũng không đề nghị cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Sùng Thị P và anh Vừ A T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Sùng Thị P phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm của Kiểm sát viên đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị P được ly hôn anh Vừ A T.

2. Về con chung: Giao cả năm con chung là Vừ Thị G, sinh ngày 08-4-2012, Vừ Thị Đ, sinh ngày 01-9-2014, Vừ Thị D, sinh ngày 25-11-2015, Vừ Thị S, sinh ngày 18-01-2018 và Vừ Thị M, sinh ngày 20-12-2021 cho chị Sùng Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả năm cháu Vừ Thị G, Vừ Thị Đ, Vừ Thị D, Vừ Thị S và Vừ Thị M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Vừ A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001538 tại Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái ngày 21-05-2024.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND HUYỆN TY;
- Chi cục THADS HUYỆN TY;
- UBND xã HC;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Phương**